

Bản án số: 1153/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 12 - 2020
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thành
2. Ông Dương Hiệp Hưng
- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.
- Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc
- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 975/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2020 giữa các đương sự:

- * *Nguyên đơn:* **Chị Đào Thị Mỹ T1** - sinh năm: 1990
Địa chỉ: 158/10 đường H, thành phố QN, tỉnh BĐ.
* *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Minh T2** - sinh năm: 1990
Địa chỉ: 996 đường Đ, thành phố QN, tỉnh BĐ.
(*Chị T1, anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Đào Thị Mỹ T1:**

Tại phiên tòa hôm nay, chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đào Thị Mỹ T1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh T2 tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường Đ, thành phố QN, tỉnh BĐ vào ngày 30/12/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 sống không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo làm ăn. Chị nhiều lần khuyên nhưng anh không thay đổi. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến tổn thương tình cảm của nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc

lẫn nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2. Về con chung, quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết. Về tài sản chung, vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Minh T2:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T2 đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị Mỹ T1 đối với anh Nguyễn Minh T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị Mỹ T1 và anh Nguyễn Minh T2 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án (khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung tranh chấp của các đương sự, HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn” (khoản 1 Điều 28 BLTTDS), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn (điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đào Thị Mỹ T1 và anh Nguyễn Minh T2 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố QN, tỉnh BĐ vào ngày 30/12/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị T1 và anh T2 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chị, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 sống không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo làm ăn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. HĐXX xét: Hôn nhân của chị T1, anh T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị T1 là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị T1 và anh T2 không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T1 không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chị T2 phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đào Thị Mỹ T1 ly hôn anh Nguyễn Minh T2.
2. Về con chung: không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.
3. Về chia tài sản: không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.
4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đào Thị Mỹ T1 phải chịu 300.000đ án phí, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002932 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn. Chị T1 đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Chị T1, anh T2 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- UBND P. Đồng Đa, TP. QN;
- (Gcnkh số 242 ngày 30/12/2014)
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ

